

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính		
Mã học phần:	71ACCT30113	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30113_01,02,03, 04, 05, 06		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	
	<i>SV chỉ tham khảo tài liệu giấy</i>		

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO2 /PI.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2 /PI2.2
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn một cách chính xác	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8 /PI8.2
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9 /PI9.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1/lần 1/: Nhà hàng X mua dầu ăn với giá mua gồm thuế là 5.280.000đ, thuế suất thuế Giá trị gia tăng (GTGT) được khấu trừ 10%, thanh toán bằng tiền mặt. Biết đơn vị đã nhận hoá đơn và hàng về nhập kho đủ, kế toán kho tại đơn vị áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hỏi bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ này.

A. Nợ TK 152 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000	B. Nợ TK 611 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000
C. Nợ TK 152 5.200.000 Nợ TK 133 520.000 Có TK 111 5.720.000	D. Nợ TK 1561 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1/lần 1/: Nhà hàng X mua dầu ăn với giá mua gồm thuế là 5.280.000đ, thuế suất thuế Giá trị gia tăng (GTGT) được khấu trừ 10%, thanh toán bằng tiền mặt. Biết đơn vị đã nhận hoá đơn và hàng về nhập kho đủ, kế toán kho tại đơn vị áp dụng là phương pháp kiểm kê định kỳ. Hỏi bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ này.

A. Nợ TK 611 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000	B. Nợ TK 152 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000
C. Nợ TK 152 5.200.000 Nợ TK 133 520.000 Có TK 111 5.720.000	D. Nợ TK 1561 4.800.000 Nợ TK 133 480.000 Có TK 111 5.280.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)

Câu 2a-CLO1/lần 1/ Ngày 10/4/N, công ty X nhận góp liên doanh bằng một dây chuyền sản xuất sản nhựa về chờ lắp ráp. Theo giá trị sổ sách của bên góp vốn, tài sản này có nguyên giá 300.000.000đ, khấu hao lũy kế 50.000.000. Theo đánh giá của hội đồng liên doanh tài sản này trị giá 250.000.000đ. Kế toán của công ty X tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 2411 250.000.000	B. Nợ TK 222 250.000.000
---	--

Có TK 411	250.000.000	Nợ TK 214	50.000.000
		Có TK 211	300.000.000
C. Nợ TK 211	250.000.000	D. Không có đáp án nào đúng	
Có TK 411	250.000.000		

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[lần 1]

Câu 2a-CLO1[lần 1] Ngày 10/4/N, công ty X nhận góp liên doanh bằng một dây chuyền sản xuất sản nhựa và đã hoàn thành lắp đặt trong ngày. Theo giá trị sổ sách của bên góp vốn, tài sản này có nguyên giá 300.000.000đ, khấu hao lũy kế 50.000.000. Theo đánh giá của hội đồng liên doanh tài sản này trị giá 250.000.000đ. Kế toán của công ty X tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 211	250.000.000	B. Nợ TK 222	250.000.000
Có TK 411	250.000.000	Nợ TK 214	50.000.000
		Có TK 211	300.000.000
C. Nợ TK 2411	250.000.000	D. Không có đáp án nào đúng	
Có TK 411	250.000.000		

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1[lần 1]

Công ty X nhượng lại 1 số cổ phiếu của công ty Y để trừ nợ tiền hàng cho người bán A. Biết giá bán số cổ phiếu này là 200.000.000đ, giá gốc của số cổ phiếu này là 201.000.000đ. Sau khi chuyển nhượng tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 49% xuống còn 21%. Kế toán công ty X tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 331A	200.000.000	B. Nợ TK 331A	200.000.000
Nợ TK 635	1.000.000	Nợ TK 635	1.000.000
Có TK 222Y	201.000.000	Có TK 1211Y	201.000.000
C. Nợ TK 331A	200.000.000	D. Nợ TK 331A	
Có TK 222Y	200.000.000	Nợ TK 811	1.000.000
		Có TK 222Y	201.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[lần 1]

Công ty X nhượng lại 1 số cổ phiếu của công ty M để trừ nợ tiền hàng cho người bán A. Biết giá bán số cổ phiếu này là 200.000.000đ, giá gốc của số cổ phiếu này là 199.000.000đ. Sau khi chuyển nhượng tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 49% xuống còn 21%. Kế toán công ty X tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 331A 200.000.000 Có TK 222M 199.000.000 Có TK 515 1.000.000	B. Nợ TK 331A 200.000.000 Có TK 222M 199.000.000 Có TK 711 1.000.000
C. Nợ TK 331A 200.000.000 Có TK 222M 200.000.000	D. Nợ TK 331A 200.000.000 Có TK 1211M 200.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)

Câu 4a-CLO1[lần 1]

Ngày 01/03/N, công ty sản xuất bột mầm xuất kho đậu nành, gạo và vừng trị giá lần lượt là 8.000.000đ, 4.000.000đ và 2.000.000đ, đem thuê đơn vị M nhất, rửa, lên mầm, phơi, sấy và trộn với chi phí phải trả cho đơn vị M là 3.500.000đ. Ngày 07/3/N, sản phẩm sau khi được M hoàn thành sấy, trộn về nhập kho để chờ xay và đóng gói. Bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ ngày 07/3/N:

A. Nợ TK 152 17.500.000 Có TK 154 17.500.000	B. Nợ TK 152 3.500.000 Có TK 154 3.500.000
C. Nợ TK 154 17.500.000 Có TK 331 17.500.000	D. Nợ TK 154 14.000.000 Có TK 152 14.000.000

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[lần 1]

Ngày 01/03/N, công ty sản xuất bột mầm xuất kho đậu nành, gạo và vừng trị giá lần lượt là 8.000.000đ, 4.000.000đ và 2.000.000đ, đem thuê đơn vị M nhất, rửa, lên mầm, phơi, sấy và trộn với chi phí phải trả cho đơn vị M là 3.500.000đ. Ngày 07/3/N, sản phẩm sau khi được M hoàn thành sấy, trộn về nhập kho để chờ xay và đóng gói. Bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ ngày 01/3/N:

A. Nợ TK 154 17.500.000 Có TK 152 14.000.000 Có TK 331 3.500.000	B. Nợ TK 152 17.500.000 Có TK 154 17.500.000
C. Nợ TK 154 17.500.000 Có TK 156 14.000.000 Có TK 331 3.500.000	D. Nợ TK 156 17.500.000 Có TK 154 17.500.000

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)**Câu 5a-CLO2[lần 1]**

Trích số tình hình đầu tư tài chính vào ngày 31/12/N của công ty X như sau:

- + TK 1281-ACB: 100.000.000đ (Gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng ACB, ngày đáo hạn 05/1/N+1)
- + TK 1282A: 40.000.000đ (Đã đầu tư 40.000 trái phiếu của doanh nghiệp A, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm, đáo hạn ngày 31/12/N+1). Hãy cho biết kế toán sẽ trình bày các số dư này trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N tại công ty X như thế nào?

A. Chỉ tiêu “Tương đương tiền”, mã số 112, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng.

B. Chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 140.000.000 đồng.

C. Chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 255, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu “Tương đương tiền”, mã số 112, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 255, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng.

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[lần 1]

Trích số tình hình đầu tư tài chính vào ngày 31/12/N của công ty X như sau:

- + TK 1281-ACB: 100.000.000đ (Gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng ACB, ngày đáo hạn 05/1/N+1)
- + TK 1282A: 40.000.000đ (Đã đầu tư 40.000 trái phiếu của doanh nghiệp A, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm, đáo hạn ngày 31/12/N+2). Hãy cho biết kế toán sẽ trình bày các số dư này trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N tại công ty X như thế nào?

A. Chỉ tiêu “Tương đương tiền”, mã số 112, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 255, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng.

B. Chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 140.000.000 đồng.

C. Chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 255, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu “Tương đương tiền”, mã số 112, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng và chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, mã số 123, số tiền ghi dương 40.000.000 đồng.

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 1]

Công ty A có thông tin về tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau: Đầu năm N, số dư TK 41111 “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”: 10.000.000.000 đồng. Trong năm, công ty phát hành thêm 200.000 cổ phiếu (cp) phổ thông có quyền biểu quyết, mệnh giá 10.000 đồng/cp, giá phát hành 13.000 đồng/cp, chi phí giao dịch phải trả 0,4%. Hãy trình bày thông tin liên quan đến vốn góp của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán vào cuối năm N.

- A.** Mã số 411a - Số cuối năm: 12.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: 589.600.000
- B.** Mã số 411a - Số cuối năm: 11.410.400.000
- C.** Mã số 411a - Số cuối năm: 2.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: 589.600.000
- D.** Mã số 411a - Số cuối năm: 12.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: (589.600.000)

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 1]

Công ty A có thông tin về tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau: Đầu năm N, số dư TK 41111 “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”: 10.000.000.000 đồng. Trong năm, công ty phát hành thêm 200.000 cổ phiếu (cp) phổ thông có quyền biểu quyết, mệnh giá 10.000 đồng/cp, giá phát hành 9.500 đồng/cp, chi phí giao dịch phải trả 0,4%. Hãy trình bày thông tin liên quan đến vốn góp của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán vào cuối năm N.

- A.** Mã số 411a - Số cuối năm: 12.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: (107.600.000)
- B.** Mã số 411a - Số cuối năm: 12.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: 8.000.000
- C.** Mã số 411a - Số cuối năm: 12.000.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: (8.000.000)
- D.** Mã số 411a - Số cuối năm: 11.900.000.000 và Mã số 412 - Số cuối năm: 107.600.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 1]

Ngày 01/02/2021, công ty mua một máy thi công chuyên dụng, giá mua chưa bao gồm thuế GTGT 10% (được khấu trừ) là 70.400.000đ, chi phí vận chuyển và lắp đặt là 2.000.000đ, phụ tùng được tặng kèm có giá trị hợp lý là 450.000đ, thời gian sử dụng dự kiến là 10 năm, khấu hao theo phương pháp đường thẳng, đã bàn giao để sử dụng. Theo qui định hiện hành, kế toán xác định giá trị ghi nhận ban đầu của TK 211 này là.

- A. 71.950.000đ
- B. 66.000.000đ
- C. 65.550.000đ
- D. 72.400.000đ

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 1]

Ngày 01/02/2021, công ty mua một máy thi công chuyên dụng, giá mua bao gồm cả thuế GTGT 10% (không được khấu trừ) là 70.400.000đ, chi phí vận chuyển và lắp đặt là 2.000.000đ, phụ tùng được tặng kèm có giá trị hợp lý là 450.000đ, thời gian sử dụng dự kiến là 10 năm, khấu hao theo phương pháp đường thẳng, đã bàn giao để sử dụng. Theo qui định hiện hành, kế toán xác định giá trị ghi nhận ban đầu của TK 211 này là.

- A. 65.550.000đ
- B. 66.000.000đ
- C. 71.950.000đ
- D. 72.400.000đ

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 2]

Phát biểu nào sau đây **Đúng** theo qui định của kế toán Việt Nam?

- A. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán không được ghi giảm tài sản cố định.
- B. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán phải ghi giảm tài sản cố định vô hình
- C. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán ngừng trích khấu hao nhà xưởng
- D. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán phải ghi giảm TK 2111 “Nhà cửa vật kiến trúc” và TK 2131 “Quyền sử dụng đất”.

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 2]

Phát biểu nào sau đây **Sai** theo qui định của kế toán Việt Nam?

- A. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán phải ghi giảm TK 2111 “Nhà cửa vật kiến trúc” và TK 2131 “Quyền sử dụng đất”.
- B. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán không ghi giảm tài sản cố định vô hình

C. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, công ty vẫn tiếp tục trích khấu hao nhà xưởng

D. Khi công ty đem thế chấp sổ hồng của xưởng sản xuất, kế toán không phản ánh nghiệp vụ này trên sổ sách kế toán.

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (6.0 điểm)

Công ty cổ phần Thịnh Phát được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/N, chuyên sản xuất đồ gia dụng nhựa. Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty:

- Kỳ kế toán Quý;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số khoản mục kế toán tại ngày 01/04/N:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 152_PLA	1.000.000.000	Hạt nhựa PLA 50.000kg
TK 242_Dell	9.000.000	Laptop Dell đang được sử dụng tại phòng Nhân Sự, thời gian còn phân bổ là 3 quý.
TK 2113_KIA	750.000.000	Ô tô 7 chỗ hiệu KIA, thời gian sử dụng ước tính của tài sản này là 15 năm.
TK 2141_KIA	250.000.000	Giá trị hao mòn lũy kế của ô tô 7 chỗ hiệu KIA.
TK 4111	5.000.000.000	500.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong quý 2/N như sau:

1.a.1. Ngày 02/04, phòng Nhân Sự báo hỏng máy tính Dell, phế liệu nhập kho ước tính 1.200.000 đồng. Công ty yêu cầu nhân viên sử dụng laptop của phòng bồi thường 1.000.000 đồng, số còn lại tính vào chi phí.

1.a.2. Ngày 12/04, công ty nhận chuyển khoản tiền nhượng bán ô tô KIA, giá bán chưa thuế là 540.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo có của ngân hàng VCB. Chi phí làm thủ

tục sang tên xe do công ty chịu là 2.000.000đ thanh toán bằng tiền mặt.

1.a.3. Ngày 01/5, công ty chuyển khoản mua trực tiếp 20 tờ trái phiếu do công ty T phát hành với mục đích kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm, lãnh lãi khi đáo hạn, mệnh giá mỗi tờ 10.000.000 đồng, tổng giá phát hành 199.000.000 đồng. Công ty đã nhận giấy báo Nợ từ ngân hàng VCB.

1.a.4. Ngày 15/5, xuất kho 10.000kg hạt nhựa PLA đem góp vốn vào công ty BY, Tài sản này được hội đồng 2 bên đánh giá là 205.000.000 đồng và tỷ lệ góp vốn tương đương với quyền biểu quyết của công ty đối với BY là 19%, nhưng hai bên có thoả thuận là công ty Thịnh Phát có quyền đồng kiểm soát với công ty BY. Chi phí vận chuyển hạt nhựa PLA đem góp vốn là 1.540.000 đồng, đã gồm 10% thuế GTGT, thanh toán bằng tiền tạm ứng đã được công ty hạch toán vào chi phí khác.

1.a.5. Ngày 16/5, công ty mua lại 10.000 cổ phiếu để hủy ngay, giá mua 15.000đ/cp, chi phí giao dịch phải trả 0.5% tổng trị giá chứng khoán giao dịch, đã chuyển khoản thanh toán và nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng VCB.

1.a.6. Ngày 31/5, công ty chuyển khoản 500.000.000 đồng từ tài khoản thanh toán tại ngân hàng VCB sang tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng, lãi nhận trước 6%/năm. Lãi nhập luôn vào gốc.

1.a.7. Ngày 30/6, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh ghi nhận lãi trái phiếu công ty T và lãi tiền gửi tiết kiệm của quý 2.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận		6.0	
1.a.1	Nợ TK 152 1.200.000 Nợ TK 1388 1.000.000 Nợ TK 642 6.800.000 Có TK 242_Dell 9.000.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 1121_VCB 594.000.000 Có TK 33311 54.000.000 Có TK 711 540.000.000	0.5	
	Nợ TK 811 500.000.000 Nợ TK 2141_KIA 250.000.000 Có TK 2113_KIA 750.000.000	0.5	
	Nợ TK 811 2.000.000 Có TK 1111 2.000.000	0.5	
1.a.3	Nợ TK 1212_T 199.000.000 Có TK 1121_VCB 199.000.000	0.5	
	Nợ TK 222_BY 205.000.000	0.5	

1.a.4	Có TK 152_PLA Có TK 711	200.000.000 5.000.000		
	Nợ TK 811 Nợ TK 133 Có TK 141	1.400.000 [1.540.000/(1+10%)] 140.000 1.540.000	0,5	
1.a.5	Nợ TK 41111 Nợ TK 4112 Có TK 1121_VCB	100.000.000 [10.000 * 10.000] 50.000.000 [10.000 * 5.000] 150.000.000	0.5	
	Chi phí phát hành Nợ TK 4112 Có TK 1121_VCB	750.000 [150.000.000*0,5%] 750.000	0.5	
1.a.6	Nợ TK 1281_VCB Có TK 1121_VCB Có TK 3387 [500.000.000*6%/2]	515.000.000 500.000.000 15.000.000	0.5	
1a7.	Phân bổ lãi trái phiếu T Nợ TK 1388T Có TK 515 [200.000.000*10%/12*2=3.333.333]	3.333.333 3.333.333	0.5	
	Lãi tiết kiệm Nợ TK 3387 Có TK 515	2.500.000 (15.000.000/6*1) 2.500.000	0.5	
		Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 Tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



1. Nguyễn T. Kim Phụng. 2. Lê Ngọc Anh. 3. Lê Thị Mỹ Nguyệt

